

VỊ THẾ CỦA HỘI AN TRONG MẠNG LƯỚI HẢI THƯƠNG ĐÔNG Á

Sự hiện diện của người Việt ở miền Trung đã diễn ra khá sớm nhưng phải đến đầu thế kỷ XIV (1306) sau sự kiện vua Chăm là Jaya Shimevarman III đem hai châu Ô, Lý dâng cho thượng hoàng Trần Nhân Tông (1278 - 1293) làm lễ vật dẫn cưới công chúa Huyền Trân, vùng đất Thuận Hóa đã được sáp nhập vào lãnh thổ Đại Việt. Tuy nhiên, phải từ sau sự ra đi của Nguyễn Hoàng (1524 - 1613) năm 1558 thì sự nghiệp khai phá đất Đàng Trong mới thực sự bắt đầu. Lúc bấy giờ, tuy mới ngoài 30 tuổi nhưng do đã trải nghiệm qua những bước thăng trầm trong đời sống chính trị xứ Bắc, thấu hiểu những điểm mạnh và hạn chế của thể chế chính trị Lê - Trịnh, Nguyễn Hoàng đã quyết tâm dời bỏ vùng đất bản hộ của họ Nguyễn để tiến về phương Nam, thực hiện kế sách tạo dựng một khu vực quản chế độc lập, phát triển lâu dài. Cùng với những thách thức chính trị, xã hội đặt ra trên vùng đất mới, ông hiểu

Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á số 3(97)/2009 có đăng chuyên luận khá dài của PGS.TS Nguyễn Văn Kim về "Mạng lưới giao thương Đông Á trước thời đại mở cửa và những hệ quả phát triển - Trường hợp Hội An". BBT Bản tin xin trân trọng trích giới thiệu một phần của chuyên luận này với tiêu đề "Vị thế của Hội An trong mạng lưới hải thương Đông Á" để quý độc giả tham khảo và nhận thức rõ hơn về vai trò của đô thị thương cảng Hội An trong lịch sử.

rằng "đất Đàng Trong vẫn là những trung tâm văn hóa của một quá khứ huy hoàng" (1). Để thu phục nhân tâm, Nguyễn Hoàng đã ra sức: "vỗ về quân dân, thu dùng hào kiệt, sưu thuế nhẹ nhàng, được dân mến phục, bấy giờ thường xưng là chúa Tiên. Nghiệp để dựng nên thực là xây nên từ đây" (2).

Nhận thấy xu thế cát cứ ngày càng rõ của Nguyễn Hoàng và sau đó là Nguyễn Phúc Nguyên (1563 - 1635), năm 1620 Trịnh Tùng (1570 - 1623) đã phái 5.000 quân đến cửa biển Nhật Lệ để uy hiếp và 7 năm sau cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn đã nổ ra (1627 - 1672) kéo dài 45 năm, gây nên những tổn thất to lớn với cả hai bên tham chiến (3). Do vậy, trong lịch sử Việt Nam từ khi chiến tranh Trịnh - Nguyễn kết thúc đến khi quân Tây Sơn tiến ra Bắc Hà, giải phóng Thăng Long năm 1789, lịch sử Việt Nam đã trải qua 214 năm với nhiều thách thức và chuyển biến to lớn. Trong khoảng thời gian đó, do không thể phân thắng bại, giữa hai miền đã hình thành thế cuộc Đàng Ngoài (Tonkin) và Đàng Trong (Cochinchina). Hai vùng lãnh thổ có chính quyền riêng, có cơ sở kinh tế, luật pháp và chế độ quản chế riêng. Tuy vậy, trên các phương diện kinh tế - xã hội, cả hai miền đều có nhiều biểu hiện phát triển trội vượt rất đáng chú ý trong lịch sử Việt Nam thời trung đại.

Để có đủ kháng lực cần thiết đương đầu với thế lực hùng mạnh của chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, Nguyễn Hoàng đã ban hành và thực thi hàng loạt các chính sách tích cực nhằm xây dựng và củng cố uy lực của một chính quyền mới như khuyến khích khai hoang, trọng dụng người tài (*mà Đào Duy Từ là một ví dụ tiêu biểu*), xây dựng lực lượng quân sự hùng hậu trong đó đặc biệt là thủy quân, được trang bị vũ khí hiện đại của phương Tây. Theo C.R.Boxer thì các nhà cầm quyền họ Nguyễn đã rất cố gắng để mua được những khẩu đại bác bằng đồng tốt nhất phương Đông (4).

Với tầm nhìn của một chính thể mạnh, luôn giữ thế chủ động trong quan hệ đối ngoại, bên cạnh chính sách khai mở, chính quyền Đàng Trong cũng luôn phải lường tính đến việc bảo vệ an toàn cho hệ thống kinh tế đối ngoại trong đó đặc biệt là thương cảng Hội An. Tiếp sau hệ thống phòng vệ, quan sát ở Cù Lao Chàm (*Chiêm Bất Lao*, vốn được coi là tiền cảng của Hội An), các chúa Nguyễn đã thiết lập một căn cứ hải quân mạnh ngay ở phía hữu ngạn sông Thu Bồn, tức vùng Cửa Đại hay "*Đại Chiêm hải khẩu*" (5). Bên cạnh đó, vị trí của dinh trấn Thanh Chiêm cũng là nhân tố có ý nghĩa trong việc bảo vệ an toàn, điều hành, xử lý các hoạt động thường xuyên của khu thương cảng. Về công tích của Nguyễn Hoàng, Lê Quý Đôn (1726 - 1784), một học giả nổi tiếng của Đàng Ngoài, đã có những đánh giá cao về uy danh, tài đức của "*chúa Tiên*" trong việc quản lý kinh tế, xã hội, xây dựng quân đội và phát triển ngoại thương (6).

Các chính sách hợp thời và hợp lòng người mà Nguyễn Hoàng thực hiện đã khiến ông có thể tập trung được quyền lực, củng cố được sức mạnh của vương quyền, ổn định xã hội và phát triển kinh tế hàng hóa. Đó chính là những tác nhân bên trong (*endogenous factors*) dẫn đến sự xuất hiện của hàng loạt đô thị và cảng thị trong đó tiêu biểu là Hội An. Qua hơn hai thế kỷ, Hội An đã trở thành trung tâm kinh tế đối ngoại (*entrepots*) quan trọng nhất của Đàng Trong và là một trong những thương cảng quốc tế trọng yếu trong tuyến giao thương Đông Á (7). Có thể thấy, "*Ngoại thương và nên chính trị trong nước đã kết hợp để tạo nên sức mạnh cho một thương cảng ở vùng biên viễn mà người Việt mới đến định cư đồng thời tạo nên thế ổn định cho vương quốc vừa được thiết lập ở vùng "biên giới" phương Nam hãy còn chưa thực phát triển*" (8).

Chúng ta đều biết, thời Nguyễn Hoàng cầm quyền cũng là thời đại hưng thịnh của hệ thống thương mại Đông Á (9). Đó là thời đại hoàng kim (*golden age*) của nhiều quốc gia khu vực. Do vậy, cùng với việc củng cố các ngành kinh tế trong nước, ông đã đi đến quyết định táo bạo là lựa chọn và đặt cược sự hưng vong của thế chế vào kinh tế ngoại thương. Có thể coi đó là sự lựa chọn sáng suốt của các chúa Nguyễn (10). *Với việc đề cao kinh tế thương nghiệp, Đàng Trong đã hướng đến một xu thế phát triển khác biệt với Đàng Ngoài đồng thời hội nhập mau chóng với mô hình phát triển chung, vốn có của hầu hết các quốc gia Đông Nam Á. Dựa vào sức mạnh của*

kinh tế công thương, như một hệ quả tự nhiên, chính sách của các chúa Nguyễn đã khôi phục vị thế của Chiêm cảng trước đây. Tên gọi Faifo (*Hải Phố - Hội An*) trở thành địa chỉ quen thuộc của nhiều thương nhân khu vực, quốc tế. Nhưng không chỉ Hội An, một hệ thống cảng miền Trung vốn có truyền thống từ thời đại Champa cũng được phục hồi trong bối cảnh xã hội mới. Trong đó, các thương cảng như Thanh Hà (*Huế*), Nước Mặn (*Bình Định*) vừa là những thương cảng phát triển độc lập vừa nằm trong mối quan hệ có ý nghĩa tương hỗ cho Hội An. Trên thực tế, với sự du nhập, hỗ trợ của các trung tâm sản xuất và khai thác, các thương cảng miền Trung đã tạo nên một hệ thống liên kết với vai trò điều phối trung tâm của cảng quốc tế Hội An.

Cũng cần phải nói thêm là, vào đầu thế kỷ XV, trong vòng 28 năm (1405 - 1433) theo lệnh của Minh Thành Tổ, Trịnh Hòa (*Zheng He, 1371 - 1433*) đã chỉ huy hạm đội hạ Tây dương. Trong 7 chuyến đi đó, Trịnh Hòa đều cho hạm đội từ Nam Kinh tập trung ở Phúc Kiến rồi từ đó tiến đến cảng Chiêm Thành (*Chan-ch'êng*). Có thể khẳng định rằng, đó chính là cảng Thi Nai (*Nước Mặn*). Từ cảng thị này, hạm đội của Trịnh Hòa đã chia thành nhiều phái bộ đến các quốc gia Đông Nam Á và tiến sang Tây Nam Á, châu Phi... (11). Như vậy là, khởi đầu từ thời Đường, phát triển trội vượt vào thời Tống, đến thời Minh (1368 - 1644) do những tiến bộ về kỹ thuật đóng thuyền và tri thức hàng hải, nhiều đoàn thuyền lớn của các quốc gia châu Á không phải nhất thiết tuân thủ theo các

tuyến hải thương truyền thống nữa. Từ miền Nam Trung Hoa hay Nhật Bản, các đoàn thuyền buôn có thể tiến thẳng đến các cảng Đông Nam Á. Do vậy, các cảng miền Trung trong đó có Hội An trở thành đầu mối giao thương trực tiếp với các trung tâm kinh tế lớn khu vực.

Với chủ trương trọng thương, vào cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, Đàng Trong đã trở thành một *Thế chế biển*, triệt để phát huy truyền thống khai thác biển, phát triển giao thương và giao lưu văn hóa trên biển (12). Nhận thấy kinh tế ngoại thương chỉ có thể tồn tại, phát triển trong hệ thống nên cùng với việc củng cố các trung tâm sản xuất thủ công, khai thác nguyên liệu, chúa Nguyễn cũng có nhiều biện pháp để bảo vệ, mở rộng hoạt động của các thương cảng. Sau năm 1672, khi cuộc xung đột Trịnh - Nguyễn chấm dứt, chúa Nguyễn đã đẩy mạnh khai phá vùng đất phương Nam. *Cùng với mục tiêu mở rộng ảnh hưởng đến châu thổ sông Đồng Nai, hạ lưu Mê Kông nhằm khai phá tiềm năng kinh tế nông nghiệp hẳn chính quyền Phú Xuân cũng nuôi nhiều kỳ vọng về tiềm lực của các cảng miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ, nơi tiếp giáp với nhiều trung tâm thương mại Đông Nam Á.* Thực tế lịch sử cho thấy, đến thế kỷ XVIII, cùng với Thanh Hà, Hội An, Nước Mặn các cảng như Đồng Nai, Sài Gòn, Hà Tiên... đều trở thành thương cảng trọng yếu của Đàng Trong, góp phần củng cố sức mạnh cho chính quyền này. Theo đánh giá của giáo sĩ dòng Tên Cristophoro Borri, người từng sống ở Đàng Trong (1618 - 1622) thì nhờ có quan hệ hải thương mà “*Chúa*

đã thu được nhiều lợi nhuận lớn trong việc buôn bán bằng thu thuế hàng hóa cũng như thuế hải khẩu ngài đặt ra và cả nước đều kiếm được nhiều lợi ích không thể tả hết” (13).

Trong các mối quan hệ đa dạng của Đàng Trong, thương nhân và các giáo sĩ Bồ Đào Nha đã đến xứ Cochinchina sớm nhất. Từ năm 1515, thuyền buôn Bồ Đào Nha đã đến Faifo

và năm 1540 thì cập bến thường xuyên thương cảng này (14). Đến đầu thế kỷ XVII, không chỉ có các thương nhân châu Á, hầu hết các cường quốc thương mại châu Âu như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh... đều đến Hội An (15). Với các quốc gia châu Á, giới thương nhân Trung Hoa, Nhật Bản đã nhận được nhiều điều kiện ưu đãi trong việc buôn bán với chính quyền Đàng Trong. Có thể nói chưa bao giờ trong lịch sử Việt Nam nền kinh tế ngoại thương lại có quan hệ rộng mở, đa dạng và phát triển hưng thịnh như giai đoạn thế kỷ XVI-XVII. Hầu hết các cường quốc kinh tế thời đại bấy giờ đều đến thiết lập quan hệ kinh tế với Đàng Trong.

Do có vị trí địa lý thuận lợi, chính sách khai mở, lại là một vùng đất giàu tiềm năng có thể cung cấp một số lượng

Với những ưu thế về điều kiện tự nhiên cũng như chính sách tích cực, thông thoáng của các chúa Nguyễn, vào các thế kỷ XVI - XVIII Hội An trở thành thương cảng mậu dịch quốc tế rất hưng thịnh và giữ vai trò vô cùng quan trọng trong mạng lưới hải thương quốc tế nói chung, vùng Đông Á nói riêng.

khá lớn hồ tiêu, quế, trầm hương, tơ lụa, đường, cùng các loại khoáng sản quý nên Hội An đã có sức thu hút lớn đối với giới doanh thương quốc tế. Từ Chiêm cảng bị suy tàn, Hội An mau chóng phục hưng và trở thành trung tâm thương mại lớn của Đông Nam Á. Là một Trung tâm liên vùng (16) Hội An đã cùng với Goa (Ấn Độ), Ayuthaya (Siam), Malacca (Malaysia), Batavia (Indonesia), Luzon (Philippines)... nối kết với Formosa (Đài Loan), Macao, Hạ Môn (Trung Quốc), Deshima (Nhật Bản), Pusan (Hàn Quốc) tạo nên một hệ thống thương mại tương đối chặt, hoàn chỉnh của châu Á.

Với các thương nhân châu Á, vốn đã có mối quan hệ mật thiết với các thương cảng miền Trung từ thời đại Champa, đến thế kỷ XVI - XVII thương nhân Trung Quốc, Nhật Bản, Siam, Chân Lạp, Patani, Java, Manila... đã thường xuyên đến Hội An và các cảng miền Trung buôn bán. Theo quan sát của Thomas Bowyear, được A.Lamb ghi lại, thì trong khoảng năm 1695 hàng năm có khoảng từ 10 đến 12 thuyền buôn Trung Hoa đến Hội An (17). Nhưng khi chính quyền Edo (1600 - 1868) hạn chế thương thuyền Trung Hoa đến Nhật thì trong các năm (1740 - 1750), số thuyền của Hoa thương đến Đàng Trong đã tăng lên mỗi năm chừng 80 chiếc. Trong tác phẩm *Oost-Indische Compagnie en Quinam* (Công ty Đông Ấn ở Quảng Nam) thương nhân người Hà Lan W.J.M Buch cũng cho rằng: “Lý do khiến nhiều thương gia Trung Hoa như vậy đến

Quảng Nam là vì có thể tìm thấy ở đây một trung tâm buôn bán với các nước và vùng lân cận. Hồ tiêu được chở tới từ Palembang, Pahang và các vùng khác; long não từ Borneo, gỗ vang, ngà voi, ... đồ sứ thô và các hàng hóa khác. Với những gì còn lại, họ có thể mua thêm hồ tiêu, ngà voi, bột gia vị, bạch đậu khấu của Quảng Nam v.v... Do đó thuyền của họ chở về Trung Hoa thường là đầy hàng” (18).

Hiểu rõ năng lực tổ chức, kỹ thuật sản xuất, buôn bán của người Hoa và những thông tin đa dạng mà họ có được, chúa Nguyễn đã sử dụng thế lực của Hoa thương, Nhật Bản cùng các thương nhân châu Á để tăng cường nội lực, biến ngoại lực cùng nội lực nhằm tạo nên thế đối trọng Á - Âu, Đông - Tây trong quan hệ quốc tế. Hơn thế nữa, do có kinh nghiệm và tri thức buôn bán nên hàng hóa mà Hoa thương đem đến Đàng Trong luôn phù hợp với nhu cầu tiêu dùng và sức mua của cư dân bản địa. Vì thế, thương nhân Hoa kiều luôn nhận được ưu ái của chính quyền Nguyễn về thuế quan, địa điểm và phạm vi buôn bán. Chính sách đó của các chúa Nguyễn về sau nhìn chung vẫn được các vua triều Nguyễn (1802 - 1945) kế thừa (19).

Cũng cần phải nói thêm rằng, trong các thế kỷ XVI - XVIII, đặc biệt là sau năm 1644 triều Minh sụp đổ, người Hoa, nhất là cư dân các tỉnh vùng Đông Nam, đã có sự chuyển dịch lớn sang các quốc gia láng giềng Đông Á. Quá trình di cư đó đã bổ sung và góp phần hình thành nên các cộng đồng Hoa kiều đông đảo tập trung ở các thành thị, thương cảng.

Giới Hoa thương cũng ngày càng có vai trò quan trọng trong các hoạt động kinh tế ở khu vực. Trong khi đó, vị trí của người Ấn trong mạng lưới giao thương Đông Á lại càng trở nên mờ nhạt. Nhưng, thay vào đó là sự hiện diện ngày một thường xuyên của các tập đoàn thương mại, công ty Đông Ấn châu Âu. Dựa vào các hải đoàn mạnh, vũ khí hiện đại và nguồn hàng phong phú... các thương nhân châu Âu đã thâm nhập vào thị trường khu vực, giành đoạt quyền lợi với giới thương nhân Đông Á để rồi, như lịch sử đã cho thấy, hình thành thế cuộc vừa đối đầu (*confrontation*) vừa hợp tác (*cooperation*) giữa các tập đoàn thương nhân trên bình diện khu vực cũng như trong mỗi nền kinh tế nhất là các nền kinh tế có vị trí chiến lược, giàu tiềm năng.

Với Nhật Bản, sau những thăm dò ban đầu và xung đột quân sự vì “hiểu nhầm” (20), đến thế kỷ XVII sau khi chính quyền Edo xác lập được quyền lực, Nhật Bản đã chính thức thiết lập quan hệ với Đàng Trong. Từ đó, cho đến khi chính quyền này thực thi chính sách tỏa quốc (1639 - 1853), các thuyền buôn châu Ấn (*Shuin-sen*) của Nhật Bản đã trở thành những bạn hàng trọng yếu của “Quảng Nam quốc” (21). Như vậy, cùng với thương nhân Trung Quốc, đến đầu thế kỷ XVII hệ thống giao thương Đông Á đã có thêm một thế lực doanh thương mới, có tiềm lực kinh tế lớn, hoạt động tích cực và hiệu quả trên nhiều thị trường khu vực (22). Để thắt chặt mối quan hệ với Nhật Bản, năm 1619 chúa Nguyễn Phúc Nguyên còn gả con gái cho

thương nhân Nhật Bản Araki Sotaro, cho phép người Nhật (và cả giới Hoa thương) lập hội quán, phố Nhật kiều, Hoa kiều để buôn bán lâu dài. Chúa Nguyễn còn giao cho họ quyền tự quản, tự bầu nên trưởng khu để điều hành các hoạt động buôn bán, quản lý xã hội trên cơ sở tôn trọng truyền thống văn hóa, phong tục và luật pháp Nhật Bản. Theo đó, từ năm 1633 - 1672 đã có 6 người Nhật thay nhau giữ trọng trách đó. Họ là những người có thế lực lớn trong cộng đồng người Nhật và được chúa Nguyễn tin cậy (23).

Có thể thấy, cùng với việc tự khẳng định chủ quyền của mình ở Đàng Trong như một thể chế kinh tế - xã hội và chính trị độc lập, chúa Nguyễn đã kiên quyết bảo vệ chủ quyền, góp phần cùng với các quốc gia trong khu vực giải trừ nạn hải tặc, đem lại môi trường ổn định cho giao thương quốc tế đã khiến cho chính quyền Nhật Bản và các tập đoàn thương nhân khác phải có ý thức đầy đủ hơn về chủ quyền của Đàng Trong đồng thời nhìn nhận chính quyền này như là một chính thể mạnh trong khu vực.

Tuy nhiên sau một thời kỳ hoạt động nhộn nhịp, đến những năm 1635 -1639, vì nhiều nguyên nhân, chính quyền Tokugawa đã thực thi chính sách tỏa quốc (*sakoku*) không cho phép thuyền Châu ấn ra nước ngoài. Lập tức, giới Hoa thương đã chiếm lĩnh thị trường khu vực. Do thu được nhiều lợi ích từ thị trường Đàng Trong, nhiều Hoa thương Quảng Châu, Phúc Kiến, Hải Nam... đã trở thành những nhà kinh doanh lớn, giàu có. Trước tác động của chính sách tỏa

quốc, cùng với thương nhân Hà Lan (và mức độ nào đó là thương nhân Đông Nam Á), giới Hoa thương đã đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp tục duy trì quan hệ thương mại giữa Nhật Bản với Việt Nam và thị trường Đông Nam Á (24).

Đối với các tập đoàn thương mại và thế lực phương Tây, chúa Nguyễn cũng luôn giành được quyền chủ động trong việc xử lý các vấn đề phức tạp trong quan hệ quốc tế. Do có nguồn thông tin phong phú nên Phú Xuân luôn hiểu rõ được sức mạnh của từng tập đoàn thương nhân, công ty Đông Ấn, tham vọng của họ với Đàng Trong cũng như những bất đồng giữa các tập đoàn thương nhân và các quốc gia. Vì thế, chúa Nguyễn luôn tìm cách giữ cân bằng giữa các thế lực để vừa khai thác khả năng kinh tế, vừa hạn chế những tác động xấu về chính trị tránh biến Đàng Trong thành nơi tranh giành lợi ích, xung đột giữa các cường quốc phương Tây. Do vậy, mặc dù biết Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) đã có quan hệ mật thiết với Đàng Ngoài nhưng trong những thời điểm nhất định chúa Nguyễn vẫn tiếp tục cho tàu Hà Lan được tiếp tục đến Hội An. Bên cạnh đó, tuy có quan hệ tương đối mật thiết với Bồ Đào Nha để mua được vũ khí và tranh thủ nguồn hàng từ Trung Quốc nhưng chúa Nguyễn cũng không để cho thương nhân nước này có thể chiếm độc quyền trong thương mại. Trên thực tế, một chính sách cân bằng quyền lực, hay trung lập hóa các mối quan hệ đã được áp dụng. Theo C.Borri thì chúa Nguyễn đã chuẩn bị rất kỹ các bến đậu tàu ở dọc

bờ biển cũng như ở vùng cửa sông Thu Bồn cho các thương nhân phương Tây. Trong tác phẩm *Xứ Đàng Trong* viết năm 1621 ông nhận xét: “*Chúa Đàng Trong không đóng cửa trước một quốc gia nào, ngài để cho tự do và mở cửa cho tất cả người ngoại quốc, người Hà Lan cũng tới như những người khác, cùng với tàu chở rất nhiều hàng hóa của họ*”. Tác giả cũng cho biết thêm: “*Phương châm của người Đàng Trong là không bao giờ tỏ ra sợ hãi một nước nào trên thế giới. Thật là hoàn toàn trái ngược với vua Trung Hoa. Ông này sợ tất cả, đóng cửa không cho người ngoại quốc vào và không cho phép buôn bán trong nước*” (25).

Do vậy, mặc dù không phải không có những mâu thuẫn, bất bình với không ít thương nhân, nhà truyền giáo nhưng vì những lợi ích thương mại cũng như nhu cầu hiểu biết về khoa học, kỹ thuật, văn minh phương Tây mà



chúa Nguyễn đã tạo điều kiện cho người châu Âu tiếp tục đến Đàng Trong. Trong không ít trường hợp tài năng của họ đã được trọng dụng (26).

Song song với các biện pháp trên, để khẳng định chủ quyền và bảo vệ những lợi ích kinh tế, chính quyền Đàng Trong đã lập ra *Ty tàu vụ* để theo dõi và thu

thuế xuất nhập khẩu đối với các tàu, thuyền buôn ngoại quốc. Trong tác phẩm *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn đã cho biết những thông tin cụ thể về mức thuế đối với tàu thuyền buôn các nước. Trên cơ sở trọng tải thuyền và lượng hàng, chủng loại hàng xuất nhập mà *Ty tàu vụ* đánh thuế với từng loại tàu thuyền. Nhưng cũng có thể khẳng định rằng thông qua chế độ thuế quan, chúa Nguyễn cũng muốn bày tỏ sự ưu ái đối với thương nhân một số nước (27). Điều quan trọng là, tất cả các thương nhân, chủ tàu thuyền ngoại quốc đều tuân thủ chế độ thuế quan, sự kiểm soát ngoại thương của chúa Nguyễn và đều tiếp tục muốn cho thuyền đến Đàng Trong. Trong hơn 2 thế kỷ, mặc dù Hội An là điểm đến của đồng thời nhiều thương nhân trong nước, khu vực và phương

Tây nhưng ở đây đã không diễn ra một cuộc xung đột hay “*chiến tranh kinh tế*” lớn nào. Từ đó, chúng

ta có thể luận suy về uy lực và năng lực điều hành, quản lý cảng thị này của chính quyền Phú Xuân cũng như của dinh trấn Quảng Nam. Một chính sách khai mở, đa phương hóa quan hệ và thực thi chế độ thuế quan nghiêm cẩn... đã đem lại sức mạnh thực tế cho chúa Nguyễn. Mặc dù phải đương đầu với

những áp lực chính trị từ nhiều phía và biết bao thủ đoạn buôn lậu, trốn thuế của các thương nhân ngoại quốc nhưng chính quyền Đàng Trong đã thực thi quyền lực của mình với một ý thức dân tộc mạnh mẽ và bảo vệ trọn vẹn chủ quyền kinh tế, chính trị ♠

*** Chú thích:**

1. Tạ Chí Đại Trường: *Thần, Người và Đất Việt*, Nxb Văn nghệ, 1988, tr.219.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nxb Giáo dục, H., 2002, tr.28.

3. Từ năm 1627-1672 quân Trịnh đã 6 lần tấn công vào Nam: 1627, 1633, 1643, 1648, 1661 và 1672. Năm 1655 quân chúa Nguyễn tấn công ra Đàng Ngoài, chiếm đến bờ Nam sông Lam, 5 năm sau mới chịu rút quân về. Trên thực tế, một số chúa Nguyễn cũng đã từng có ý định tấn công ra Đàng Ngoài. Năm 1716, Nguyễn Phúc Chu đã từng cử một số Hoa kiều thân tín ra Thăng Long thăm dò nhưng thấy “Trung triều cường thịnh, mưu bèn thôi”, Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học Xã hội, H., 1977, tr.65. Xem Nguyễn Văn Kim: *Xứ Đàng Trong trong các mối quan hệ và tương tác quyền lực khu vực*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 6 (362), 2006, tr.19-35.

4. Một số nhà nghiên cứu cho rằng việc chúa Nguyễn chú trọng xây dựng binh lực mạnh trong đó có hải quân là nhằm để đương đầu với thế lực của chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Nhưng, chắc chắn chúa Nguyễn còn muốn thông qua việc xây dựng hải binh để bảo vệ chủ quyền lãnh hải đặc biệt là các cảng kinh tế đối ngoại như Hội An, Thanh Hà, Nước Mặn... và các đảo như Cù Lao Chàm, Côn Đảo... Xem C.R.Boxer: *Portuguese Conquest and Commerce in Southern Asia, 1500-1750*, Variorum Reprints, London, 1985, pp.167.

5. Kết quả khảo sát của các chuyên gia địa chất - địa mạo, khảo cổ học và sử học Việt Nam - Nhật Bản thuộc Khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH & NV, ĐHQG HN và Trường Đại học Chiêu Hòa trong các mùa điền dã năm 1997-1999 cho thấy ở vùng Thanh Chiêm còn vết tích khá rõ của một vịnh biển rộng, nước sâu. Kết hợp với một số nguồn sử liệu khác chúng tôi cho rằng nhiều khả năng đây là cảng cử hải quân của chúa Nguyễn.

6. Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học Xã hội, H., 1977, tr.50.

7. Andre Gunder Frank: *ReOrient: Global Economy in the Asian Age*, University of California Press, 1998, pp.98; and John K.Whitmore: *Vietnam and the Monetary Flow of Eastern Asia, Thirteenth to Eighteenth Centuries*; in: *Precious Metals in the Late Medieval and Early Modern Worlds*, edited by J.F.Richards. Durham, N.C.: Carolina Academic Press, 1983, pp.380&388.

8. Charles Wheeler: *One Region, Two Histories - Cham Precedents in the History of the Hội An Region*; in: Nhung Tuyet Tran and Anthony J.S. Reid: *Vietnam Boderless Histories*, The University of Wisconsin Press, 2006, pp.169.

9. Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680*, Yale University, New Haven and London, 1988. Có thể tham khảo thêm: Li Tana - Anthony Ried: *Southern Vietnam under the Nguyen - Document on the Economic History of Cochinchina (Đàng Trong) 1602-1777*, Australia National University - Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 1993.

10. Li Tana: *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Trẻ, Tp HCM, 1987. Có thể tham khảo thêm Phan Khoang: *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học, 2001.

11. Geoff Wade: *The Zheng He Voyages: A Reassessment*, Asia Research Institute, Working Paper Series, No.31, October, 2004; Dương Văn Huy: *Những đợt thám hiểm của Trịnh Hòa đến Đông Nam Á*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2 (77), 2006.

12. Trần Quốc Vượng: *Mấy nét khái quát lịch sử cổ xưa về cái nhìn về biển của Việt Nam*; trong: *Biển với người Việt cổ*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1991, tr.20.

13. Cristophoro Borri: *Xứ Đàng Trong*, Nxb. Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, 2003, tr.90.

14. Theo P.Y.Manguin thì năm 1516 Bồ Đào Nha đã cho thuyền đến cảng Champa, năm 1623 đã chính thức cử thuyền đến cảng Champa nhưng theo A.Lamb thì quan hệ này không đều đặn. Từ năm 1540 trở đi người Bồ đến Faifo một cách thường xuyên, thậm chí một số người Bồ còn sống lâu dài ở thương cảng này. Xem Pierre-Yves Manguin: *Les Portugese sur les cotes du Vietnam et du Campa*, Ecole Fraicaise d'Extrême - Orient, Paris, 1972, pp.3; và, Alastair Lamb: *The Mandarin Road to Old Hue*, Clarke. Irwin & Co.Ltd, Toronto, 1970, pp.19.

15. Các thương nhân Anh đã đến giao thiệp với Đàng Trong từ năm 1613 sau đó tập trung xây dựng thương điếm ở Côn Đảo. Tàu Hà Lan đến Đàng Trong các năm 1613 và 1617, đến năm 1633 thiết lập

một thương quán ở Hội An với tham vọng mua tơ lụa ở đây để đưa sang Nhật Bản nhưng đã vấp phải sự cạnh tranh quyết liệt của thương nhân Nhật. Bên cạnh đó họ còn bị nghi kỵ của chúa Nguyễn trong mối liên hệ với Đàng Ngoài. Đến năm 1654, người Hà đã rút khỏi Hội An để tập trung ra Đàng Ngoài và hoạt động liên tục trong 63 năm (1637-1700). Trong các thương nhân phương Tây, Bồ Đào Nha được chúa Nguyễn dành cho nhiều ưu ái. Trong thời gian 1650-1651 mỗi năm có 4-5 tàu từ Macao đến Đàng Trong. Các thuyền này có thể chở 300 tấn hàng, trị giá 100.000 lượng bạc.

16. Sakura Yumio: *Thủ pháp dựng cấu trúc lịch sử Đông Nam Á thông qua mối liên hệ giữa biển và lục địa*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4, 1999, tr.37-55.

17. Allastair Lamb: *The Madarin Road to Old Hue*, Sđd, pp.52.

18. M.J.Buch: *Oost - Indische Compagnie en Quinam*, Amsterdam, H.J.Paris, 1929.

19. Choi Byung Wook: *The Nguyen Dynasty's Policy toward Chinese on the Water Frontier in the First Half of the Nineteenth Century*; in: Nola Cooke and Li Tana (Ed.): *Water Frontier - Commercial and the Chinese in the Lower Mekong Region, 1750-1880*, Rowman & Littlefield Publishers, INC, Singapore University Press, 2004, pp.85-100.

20. Nhà nghiên cứu Nhật Bản Iwao Seiichi cho rằng năm 1578, *wako* (hải tặc Nhật Bản) đã đến hải phận Đàng Trong cướp thuyền buôn của thương nhân Trung Hoa Trần Bảo Tùng đang vận chuyên đồng, sắt và đồ gốm đến Quảng Nam. Xem Iwao Seiichi: *Shuin-sen to Nihon Machi* (Châu ấn thuyền và phố Nhật), Nxb. Hakusendo, Tokyo, 1962, tr.15. Nguồn sử liệu Việt Nam: *Đại Nam thực lục tiền biên* cũng ghi lại sự kiện năm 1585, Bạch Tần Hiền Quý (Shirahama Kenchi) đã chỉ huy một đoàn thuyền lớn đến cướp ở Cửa Việt bị lực lượng hải quân của chúa Nguyễn gồm 10 chiếc thuyền do Nguyễn Phúc Nguyên (1563-1634) chỉ huy tấn công, đánh tan hai chiếc. Trước sức tấn công quyết liệt của lực lượng hải quân Đàng Trong “ Hiền Quý sợ chạy... từ đó giặc biển im hơi”, *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sđd, tr.32.

21. Kawamoto Kuniye: *The International Outlook of the Quang Nam (Nguyen) Regime as Revealed in Gaiban Tsuusho*; in: *Ancient Town of Hoi An*, The Gioi Publishes, H., 2006, pp. 159-170.

22. Kato Eiichi: *Shuinsen Licence Trade and the Dutch in Southeast Asia*; in: *Ancient Town of Hoi An*, Sđd, 2006, pp.209-217. Trong thời kỳ *Châu ấn thuyền* (1592-1635) Nhật Bản đã có quan hệ với 18

quốc gia và khu vực lãnh thổ ở Đông Nam Á. Theo thống kê trong thời gian 1604-1635 đã có tổng số 365 thuyền *Châu ấn* đến Đông Nam Á và Đài Loan. Trong số đó có 87 đến Đàng Trong và 37 chiếc đến Đàng Ngoài. Như vậy, chỉ riêng số thuyền đến Việt Nam đã chiếm khoảng gần 1/3 số thuyền *Châu ấn*. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của thị trường Việt Nam với Nhật Bản và quan hệ giao thương khu vực. Thực ra, từ thế kỷ XV, với tư cách là một bộ phận hợp thành của lãnh thổ Nhật Bản ngày nay, vương quốc Ryukyu (Lư Cầu) đã thiết lập quan hệ với Siam và một số quốc gia Đông Nam Á. Với Việt Nam, tư liệu sớm nhất ghi lại trong *Rekidaihoan* (Lịch đại bảo án) là năm 1509. Đến cuối thế kỷ XVI khi thiết lập quan hệ với Đông Nam Á, các thương nhân Nhật Bản đã kế thừa tri thức, kinh nghiệm của người Hoa cũng như thương nhân Lư Cầu. Có thể xem Nguyễn Văn Kim: *Chính sách đóng cửa của Nhật Bản thời kỳ Tokugawa - Nguyên nhân và hệ quả*, Nxb, Thế Giới, 2000.

23. Nguyễn Văn Kim: *Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV-XVII*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2003, tr.143-144.

24. John Cleinen: *Về những người bạn cũ và những kẻ thù già mạo - Quan hệ của Hà Lan với Đàng Trong thế kỷ XVII*; Nguyễn Văn Kim: *Vị trí của Phố Hiến và Domea trong hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỷ XVI-XVII*; trong: *Sư tử và Rồng - Bốn thế kỷ quan hệ Hà Lan - Việt Nam*, Nxb. Thế Giới, 2008, tr.17-36 & 79-94.

25. Christophoro Borri: *Xứ Đàng Trong*, Sđd, tr.92-93.

26. Alexandre de Rhodse: *Hành trình và truyền giáo*, Tủ sách đại kết, Tp Hồ Chí Minh, 1994.

27. Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr.65. Có thể tham khảo thêm sự phân tích về chế độ thuế quan thời chúa Nguyễn trong bài viết của GS. Vũ Minh Giang: *The Japanese Presence in Hoi An*; in: *Ancient Town of Hoi An*, The Gioi Publihiers, H., 2006, pp.199-208.